

định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Biên lai thuế môn bài”, Mẫu CTT03A thay thế loại biên lai thuế môn bài Mẫu CTT03 ban hành kèm theo Quyết định số 597/TC-QĐ-TCT ngày 08/12/1990 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thẻ môn bài Mẫu CTT32A và CTT32B, để thống nhất chứng từ thu thuế môn bài đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định về mẫu chứng từ thu thuế môn bài trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Tổng cục Thuế có trách nhiệm in, phát hành, hướng dẫn quản lý, sử dụng Biên lai thuế môn bài, Mẫu CTT03A theo đúng quy định của pháp luật./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1509/2003/QĐ-NHNN ngày 14/11/2003 về việc ban hành Quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước đối với các Ngân hàng thương mại Nhà nước có bảo đảm bằng cầm cố Trái phiếu đặc biệt.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 453/QĐ-TTg ngày 14/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát hành Trái phiếu của Chính phủ để cấp bổ sung vốn điều lệ cho các Ngân hàng thương mại Nhà nước giai đoạn 2002 - 2004;

Sau khi đã thống nhất các nội dung liên quan với Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước đối với các Ngân hàng thương mại Nhà nước có bảo đảm bằng cầm cố Trái phiếu đặc biệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1035/2003/QĐ-NHNN ngày 04/9/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước đối với các Ngân hàng thương mại Nhà nước có bảo đảm bằng cầm cố Trái phiếu đặc biệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc các Ngân hàng thương mại Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

QUY CHẾ cho vay của Ngân hàng Nhà nước đối với các Ngân hàng thương mại Nhà nước có bảo đảm bằng cầm cố Trái phiếu đặc biệt

(ban hành kèm theo Quyết định số 1509/2003/QĐ-NHNN ngày 14/11/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn nghiệp vụ tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các Ngân hàng thương mại Nhà nước (sau đây viết tắt là các ngân hàng) dưới hình thức cho vay có bảo đảm bằng cầm cố Trái phiếu đặc biệt nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các ngân hàng được cho vay theo quy định của Quy chế này là các ngân hàng được cấp bổ sung vốn điều lệ giai đoạn 2002 - 2004 theo Quyết định số 453/QĐ-TTg ngày 14/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

1. Ngân hàng Công thương Việt Nam;
2. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
3. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

4. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;

5. Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trái phiếu đặc biệt* là Trái phiếu của Chính phủ được sử dụng để cấp bổ sung vốn điều lệ cho các Ngân hàng thương mại Nhà nước giai đoạn 2002 - 2004 theo Quyết định số 453/QĐ-TTg ngày 14/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

2. *Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố Trái phiếu đặc biệt* (sau đây gọi tắt là cho vay) là hình thức cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng trên cơ sở cầm cố Trái phiếu đặc biệt để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ trong thời gian ngân hàng có nợ.

3. *Cầm cố Trái phiếu đặc biệt* là việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữ Bản gốc Giấy chứng nhận sở hữu Trái phiếu đặc biệt của ngân hàng có nợ tại Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho một hay nhiều khoản vay tại Ngân hàng Nhà nước với tổng các khoản vay này không vượt quá mức cho vay tối đa đối với giá trị gốc của Trái phiếu đặc biệt được chấp nhận cầm cố.

Điều 4. Mức cho vay tối đa

Mức cho vay tối đa bằng 20% giá trị gốc Trái phiếu đặc biệt được chấp nhận cầm cố.

Điều 5. Nguyên tắc cho vay

1. Cho vay có bảo đảm;
2. Cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các ngân hàng;
3. Hoàn trả nợ gốc và tiền lãi vay đầy đủ và đúng thời hạn;
4. Trái phiếu đặc biệt có thể sử dụng làm tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho nhiều khoản vay tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tổng các khoản vay này không vượt quá mức cho vay tối đa.

Điều 6. Lãi suất cho vay

1. Áp dụng lãi suất tái cấp vốn do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong cùng thời kỳ;
2. Số nợ vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt quá hạn thanh toán bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Điều 7. Phân cấp thực hiện cho vay

1. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước thực hiện cho vay cầm cố đối với các ngân hàng có trụ sở chính tại Hà Nội.
2. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cho vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt

theo sự ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Điều kiện chấp nhận cho vay

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và quyết định chấp thuận cho vay khi ngân hàng đề nghị vay vốn có đủ các điều kiện sau đây:

1. Là người thụ hưởng và là người nắm giữ hợp pháp Trái phiếu đặc biệt;
2. Không có nợ quá hạn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đến ngày đề nghị vay vốn;
3. Không còn nắm giữ các giấy tờ có giá nào khác đủ điều kiện để vay vốn từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trừ Trái phiếu đặc biệt;
4. Có nguy cơ mất khả năng chi trả.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị vay vốn

Ngân hàng đề nghị vay vốn gửi tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ đề nghị vay vốn, bao gồm:

1. Đơn xin vay vốn theo Mẫu số 01/CC-TPĐB;
2. Bảng cân đối nguồn vốn, sử dụng vốn kèm theo giải trình về nguồn vốn và sử dụng vốn đến thời điểm gần nhất;

3. Bản gốc Giấy chứng nhận sở hữu Trái phiếu đặc biệt.

Điều 10. Chấp thuận cho vay

1. Trường hợp ngân hàng có đủ điều kiện quy định tại Điều 8, có nhu cầu vay vốn và gửi tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 9, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ vào giá trị gốc của Trái phiếu đặc biệt để xác định mức cho vay theo quy định tại Điều 4.

2. Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị vay vốn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ thông báo cho Ngân hàng đề nghị vay vốn việc chấp thuận hay không chấp thuận cho vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt (theo Mẫu số 02/CC-TPĐB hoặc Mẫu số 03/CC-TPĐB).

Điều 11. Xác định thời hạn cầm cố, kỳ hạn trả nợ

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng đề nghị vay thỏa thuận về thời hạn cho vay và xác định các kỳ hạn trả nợ trên cơ sở mục đích của việc vay vốn và khả năng thanh toán của Ngân hàng đề nghị vay vốn, tối đa là 12 tháng nhưng không quá thời hạn thanh toán còn lại của Trái phiếu đặc biệt. Các thỏa thuận cụ thể về thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ phải được thể hiện trên Hợp đồng cho vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt.

Điều 12. Thực hiện cho vay

1. Sau khi nhận được Thông báo chấp thuận cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng đề nghị vay lập Hợp đồng cho vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt (4 bản chính theo Mẫu số 04/ CC-TPĐB) gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh);

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng đề nghị vay vốn căn cứ thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận cho vay để làm thủ tục ký Hợp đồng cho vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt (4 bản chính). Mỗi bên giữ 2 bản để làm căn cứ hạch toán, chuyển tiền và theo dõi;

3. Số tiền cho vay được chuyển vào tài khoản tiền gửi của ngân hàng được vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

4. Sau khi chấp thuận và thực hiện cho vay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện lưu giữ, bảo quản hồ sơ đề nghị vay theo quy định.

Điều 13. Trả nợ gốc và lãi tiền vay

1. Ngân hàng có nợ vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt có trách nhiệm và chủ động thực hiện trả nợ theo đúng thời hạn và kỳ hạn đã ghi trong Hợp đồng cho vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

không xem xét gia hạn đối với các khoản nợ cho vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt.

Điều 14. Xử lý thu hồi nợ

Trường hợp đến hạn thanh toán mà ngân hàng có nợ vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt không trả được nợ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện các biện pháp sau:

1. Trích ngay tiền trên tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của ngân hàng đó để thực hiện thu nợ bắt buộc đối với số nợ đến hạn (gốc và lãi tương ứng);

2. Trường hợp số dư trên tài khoản tiền gửi của ngân hàng không đủ để thu nợ bắt buộc, sau khi trích hết tiền trên tài khoản tiền gửi của ngân hàng để thu hồi nợ, số nợ gốc còn lại bị chuyển quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tái cấp vốn tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn đến khi thu hết nợ (gốc và lãi). Trong thời gian bị chuyển nợ quá hạn khoản vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện trích tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của ngân hàng đó để thu hồi nợ cho đến khi thu hồi hết số nợ gốc và lãi (kể cả lãi quá hạn).

Điều 15. Chấm dứt quan hệ cho vay

1. Quan hệ cho vay cầm cố Trái phiếu đặc biệt giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với ngân hàng vay vốn chấm dứt